

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2020/DSPT
Ngày: 02/6/2020
V/v tranh chấp “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Em**

Các Thẩm phán: Ông **Phan Văn Huyện**
Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Quốc Nam** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 249/2019/DSST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 259/2020/QĐPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Phạm Thị R**, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* **Phạm Thị T**, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Trần Thị Trà M** (tên thường gọi: Trâm), sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: 5/5 ấp M, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của: Bị đơn: **Phạm Thị T**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Nguyên đơn bà Phạm Thị R trình bày:*

Trước đây, bà có vay tiền dùm cho bà T (chị ruột của bà) 02 lần với tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Vào ngày 29/02/2016 (âm lịch), bà T vay số tiền 40.000.000 đồng để nuôi dê, lãi suất 8%/tháng, bà T hẹn vài tháng sau hốt hụi sẽ trả lại tiền vốn. Đến ngày 06/5/2017 (âm lịch), bà T vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng để cho con rể của bà (chồng chị Trần Thị Trà M) trả nợ, lãi suất 10%/tháng, bà trực tiếp giao tiền cho chị M tại nhà bà T. Bà T hứa đến cuối năm 2017, khi hốt hụi sẽ trả hết 02 khoản nợ là 70.000.000 đồng, còn tiền lãi trả hàng tháng để bà trả lãi cho chủ nợ. Do chỗ chị em nên việc vay mượn trên không có viết giấy nợ mà chỉ thỏa thuận miệng.

Sau khi vay, bà T chỉ trả lãi đến tháng 5/2018 (âm lịch) rồi ngưng nên bà có trả dùm tiền lãi của tháng 6 và tháng 7/2018 (âm lịch). Sau đó, không khả năng trả lãi dùm bà T nữa nên bà yêu cầu bà T trả nợ vốn nhưng bà T không trả mà còn thách thức bà đi thưa nên hai bên phát sinh tranh chấp. Đến cuối năm 2018, bà có nộp đơn yêu cầu chính quyền ấp 2, xã T, huyện G (nơi bà T cư trú) giải quyết buộc bà T trả nợ thì bà T hứa sẽ trả số tiền trên cho bà làm 02 lần, ngày 30/01/2019 (âm lịch) trả 35.000.000 đồng và ngày 30/7/2019 (âm lịch) trả tiếp 35.000.000 đồng. Tuy nhiên đến tháng 02/2019 (âm lịch), bà T chỉ trả được 25.000.000 đồng và còn nợ lại 45.000.000 đồng đến nay chưa trả nên bà khởi kiện. Nay bà yêu cầu bà T có trách nhiệm trả cho bà số tiền còn nợ là 45.000.000 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:*

Bà là chị ruột của bà R, cách nay khoảng 03 năm, bà có vay bà R số tiền 40.000.000, khi vay bà có nói vay dùm con gái bà (chị Trần Thị Trà M) để hùn vốn nuôi dê. Hai bên thỏa thuận lãi suất 8%/tháng, trả lãi hàng tháng nhưng bà không có nói thời gian trả vốn. Đến ngày 06/01/2017 (âm lịch), bà gọi điện thoại cho bà R hỏi vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng dùm vợ chồng chị M để trả nợ nhưng bà R chỉ có 30.000.000 đồng. Sau đó, bà R đem tiền đến giao trực tiếp cho chị M tại nhà của bà. Hai bên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng nhưng không thỏa thuận thời hạn trả vốn mà chỉ thỏa thuận trả lãi hàng tháng. Do chỗ chị em nên cả 02 lần vay hai bên đều không viết giấy nợ.

Sau khi vay, bà có trả lãi đầy đủ đến tháng 5/2018 (âm lịch) rồi ngưng, do vợ chồng chị M gặp khó khăn về kinh tế nên không gửi tiền về cho bà đóng lãi nữa. Cuối năm 2018, khi tổ hòa giải ấp 2, xã T, huyện G giải quyết, bà có hứa trả cho bà R số tiền 70.000.000 đồng làm 02 lần như bà R trình bày nhưng đến tháng 02/2019 (âm lịch) chị M chỉ gửi trả bà R được 25.000.000 đồng qua công an ấp 2, xã T, huyện G và còn nợ lại 45.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay bà đồng ý trả cho bà R số tiền 45.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Trà M trình bày:*

Chị là con gái bà T và là cháu gái của bà R. Trước đây, vợ chồng chị nhiều lần nhờ mẹ chị hỏi vay tiền của bà R để làm ăn và đã trả nợ đúng hạn. Tuy nhiên, cách nay khoảng vài năm, chị có nhờ mẹ chị vay tiền của bà R 02 lần tổng cộng là 70.000.000 đồng như trình bày trên, chị vay 40.000.000 đồng để hùn vốn nuôi dê với mẹ chị và vay 30.000.000 đồng để trả nợ. Sau khi vay, chị có đưa tiền cho mẹ chị để trả lãi cho bà R đầy đủ nhưng từ tháng 6/2018 (âm lịch), chị không có tiền đóng lãi nên ngưng. Đến cuối năm 2018, bà R gửi đơn thưa đến chính quyền ấp 2, xã T, huyện G thì mẹ chị có hứa sẽ trả cho bà R 02 lần là hết nợ như bà R trình bày nhưng đến tháng 02/2019 (âm lịch) chị chỉ có khả năng trả cho bà R được 25.000.000 đồng thông qua công an ấp 2, xã T, huyện G và còn nợ lại 45.000.000 đồng đến nay không có khả năng trả. Đây là tiền nợ của chị nên chị nhận trách nhiệm trả cho bà R.

Bản án dân sự sơ thẩm số 249/2019/DSST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân huyện G, tỉnh Tiền Giang Căn cứ vào: *Khoản 2 Điều 357, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị R. Buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho bà R số tiền vốn vay còn nợ là **45.000.000 đồng** (Bốn mươi lăm triệu đồng). Thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 02 tháng 12 năm 2019 bị đơn bà Phạm Thị T kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 249/2019/DSST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân huyện G, tỉnh Tiền Giang. Bà yêu cầu xin xem xét lại tiền lãi trừ vào vốn bà không đồng ý trả **45.000.000 đồng** vốn còn lại cho bà R.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:
 - + Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
 - + Về nội dung vụ án: Bà T thừa nhận có nhờ bà R vay giùm số tiền 70.000.000 đồng làm 02 lần với lãi suất từ 8% đến 10% tháng bà T trả được 25.000.000 đồng tiền vốn còn lại 45.000.000 đồng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T trả cho bà R là có căn cứ. Bà T kháng cáo xin xem xét lại tiền lãi tại phiên Tòa phúc thẩm bà R thừa nhận khoản khoản tiền nêu trên bà T trả cho bà được tổng cộng là 119.200.000 đồng tiền lãi nhưng số tiền này bà đã trả lãi cho người bà vay giùm bà T nên không đồng ý trừ lại. Tuy nhiên xét thấy mức lãi suất hai

bên thỏa thuận là cao so với qui định nên việc kháng cáo của bà T xin xem xét lại tiền lãi là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự số: 249/2019/DSST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân huyện G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bà Phạm Thị R còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Phạm Thị T thừa nhận có nhờ bà Phạm Thị R vay giùm số tiền 70.000.000 đồng làm hai lần, lần 01 vào ngày 29/02/2016 (âm lịch), bà T vay số tiền 40.000.000 đồng để nuôi dê, lãi suất 8%/tháng, lần 02 ngày 06/5/2017 vay 30.000.000 đồng mục đích bà vay tiền giùm cho con gái là Trần Thị Trà M, sau đó bà T trả được 25.000.000 đồng còn nợ là 45.000.000 đồng. Tại tòa án cấp sơ thẩm bà đồng ý trả cho bà R số tiền 45.000.000 đồng nhưng xin mỗi tháng trả 1.000.000 đồng bà R không đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T trả cho bà R số tiền 45.000.000 đồng là có căn cứ. Bà T kháng cáo không đồng ý trả cho bà R số tiền 45.000.000 đồng do gia đình bà khó khăn và bà trả lãi quá nhiều nên xin xem xét lại tiền lãi trừ vào vốn. Hội đồng xét xử xét thấy tiền lãi hai bên thừa nhận từ 8% đến 10% mỗi tháng, bà R đã nhận lãi của 02 khoản tiền nêu trên đến tháng 05/2018 là 119.200.000 đồng là cao hơn so với qui định. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà T thừa nhận số tiền trên là bà nhờ bà R vay của người khác, số tiền bà trả lãi thì bà R cũng trả cho người mà bà R vay giùm bà, bà R cũng không sử dụng số tiền lãi này, tiền lãi hai bên đã thực hiện xong từ tháng 06/2018 đến nay bà R không yêu cầu trả tiếp tiền lãi nên bà T yêu cầu trừ lãi vào vốn là không phù hợp. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận

yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần nhận định trên nên được chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo của bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 357, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 249/2019/DSST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị R.

Buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho bà R số tiền vốn vay còn nợ là 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà R có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông Tính còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh tiền chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 2.250.000 đồng án phí DS-ST và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số: 47157 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây được trừ vào án phí dân sự phúc thẩm.

Bà R được miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi

hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Tây;
- CC.THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Em

